

Số: 01-2018/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi Điều lệ SHS)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được ĐHCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2016.
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán;
- Căn cứ các quy định của pháp luật về chứng khoán phái sinh và chứng quyền có đảm bảo,

Nhằm mục tiêu hoàn thiện hành lang pháp lý cho Công ty hoạt động tuân thủ đúng pháp luật, phù hợp với các hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty cần thiết phải sửa đổi một số quy định tại Điều lệ cho phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ như sau:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo chi tiết trong Phụ lục kèm theo Tờ trình này.
2. Thống nhất áp dụng Điều lệ sửa đổi, bổ sung kể từ ngày 24/04/2018.
3. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc theo chế độ thường trực quyết định áp dụng Điều lệ sửa đổi theo quy định của Pháp luật.

Điều lệ mới sửa đổi 11 nội dung tại 11 Điều khoản, bổ sung 03 Điều, bao gồm IX chương, 93 Điều.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG HIỂN

CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

1. Căn cứ thực hiện:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
 - Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
 - Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được ĐHCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;
 - Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/ 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2013, được sửa đổi, bổ sung bởi
 - Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2016.
 - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
 - Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
 - Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán;
 - Các quy định pháp luật hiện hành
2. Sau khi Điều lệ sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ đánh số thứ tự, cập nhật các điều khoản viện dẫn cho phù hợp.
3. Điều lệ mới sửa đổi 11 nội dung tại 11 Điều khoản, bổ sung 03 Điều, bao gồm IX chương, 93 Điều.



STT	Nội dung	Điều lệ SHS	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do/Căn cứ
1	Thay đổi Địa chỉ trụ sở	<p>Khoản 3 Điều 2. Trụ sở Công ty:</p> <p>a) Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đặt tại: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Phố Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: (84.4) 38 181 888</p> <p>- Fax: (84. 4) 38 181 6888</p>	<p>Khoản 3 Điều 2. Trụ sở Công ty:</p> <p>a) Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đặt tại: Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: (84.24) 38 181 888</p> <p>- Fax: (84.24) 38 181 688</p>	<p>Cập nhật địa chỉ Trụ sở mới</p> <p>Điều chỉnh mã vùng điện thoại</p>
2	Bổ sung hoạt động kinh doanh	<p>Điều 4. Lĩnh vực kinh doanh</p>	<p>Điều 4. Lĩnh vực kinh doanh</p> <p>2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được tham gia các hoạt động sau đây nếu được pháp luật và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh chứng khoán phái sinh, gồm: <ul style="list-style-type: none"> o Môi giới chứng khoán phái sinh; o Tự doanh chứng khoán phái sinh; o Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh. - Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh và các hoạt động khác liên quan. - Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trong ngày; hoạt động tạo lập thị trường; <p>3. Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một hoặc một số trong những loại hình kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này theo quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi được UBCKNN phê duyệt.</p>	<p>Bổ sung ngành nghề kinh doanh nếu được ĐHCĐ thông qua.</p>

3	<p>Bổ sung quy định về Phát hành, chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.</p>		<p>Điều 5. Chứng quyền có bảo đảm</p> <p>1. Phát hành, chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện - Công ty được phát hành, chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm tuân thủ quy định luật pháp sau khi được UBCKNN chấp thuận. <p>2. Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền. - Quyền của Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm <p>Người sở hữu chứng quyền thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi theo quy định pháp luật có liên quan, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức thanh toán do Công ty quy định trong bản cáo bạch của từng đợt phát hành và theo quy định pháp luật có 	<p>Theo Thông tư 107/2016/TT-BTC; Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP</p>
---	--	--	---	--



			<p>liên quan;</p> <p>2. Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật;</p> <p>3. Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định pháp luật;</p> <p>4. Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;</p> <p>5. Và các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	
4	Bổ sung quy định về người hành nghề chứng khoán	<p>Khoản 10 Điều 7: Nguyên tắc hoạt động</p> <p>10. Bố trí người hành nghề Chứng khoán phù hợp với hoạt động kinh doanh.</p> <p>Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán”.</p>	<p>Khoản 10 Điều 7: Nguyên tắc hoạt động</p> <p>10. Bố trí người hành nghề Chứng khoán phù hợp với hoạt động kinh doanh.</p> <p>Nhân viên hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán không được kiêm nhiệm thực hiện các công việc tại các bộ phận thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý tài khoản giao dịch ủy thác”.</p>	<p>Theo Khoản 4 Điều 45 Thông tư 210/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 15 Điều 1 Thông tư 07/2016</p>
5		<p>Khoản 1 Điều 9: Quy định hạn chế đối với Công ty</p> <p>j) Không được cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với cổ đông lớn, thành viên Ban kiểm soát, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng,</p>	<p>Khoản 1 Điều 9: Quy định hạn chế đối với Công ty</p> <p>j) Không được cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp và người có liên quan của cổ đông; không được cho vay dưới mọi hình thức đối với cổ đông lớn, thành viên Ban kiểm soát, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này; trừ trường</p>	<p>Theo Điều 26 Thông tư 71 và Điều 43 thông tư 210 sửa đổi</p>

		các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này.	hợp pháp luật có quy định khác.	
6	Quyền của cổ đông	Khoản 2 , Điều 26; Khoản 5 Điều 30; Khoản 7 Điều 31; Điều 38: “..Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên...”	Sửa nội dung như sau: “...Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên...”	Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95 hướng dẫn quản trị công ty đối với công ty đại chúng
7	Về lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ	Khoản 1, Điều 31: Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông a) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ hoặc trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ”.	Khoản 1, Điều 31: Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông a) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ hoặc trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng”.	Theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Nghị định 71/2017: “Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng”.
8	Cơ cấu thành phần HĐQT	Điều 39. Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc đề cử, ứng cử Hội đồng Quản trị 1. 2. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và	Điều 39. Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc đề cử, ứng cử Hội đồng Quản trị 1.... 2.Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể do Đại	Theo Khoản 2 và 5 Điều 13 Nghị định 71/2017 hướng dẫn quản trị công ty đối với công ty đại chúng



		<p>nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định. <i>Trong trường hợp Công ty lựa chọn mô hình quản lý không có Ban Kiểm soát thì ít nhất 20% số thành viên Hội đồng Quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị. Công ty sẽ tiến hành sửa đổi quy định về Thành viên HĐQT độc lập theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán.</i></p>	<p>hội đồng Cổ đông Công ty quyết định.</p> <p>Tối thiểu một phần hai (1/2) thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam.</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập</p> <p>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	
9	<p>Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành</p>		<p>Điều 40. Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị và không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành là thành viên không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật</p>	<p>Bổ sung Điều khoản theo Điều 134, 151 Luật Doanh nghiệp; Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>

			<p>về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>a Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</p> <p>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn giống thành viên Hội đồng quản trị khác</p> <p>4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất</p>	
--	--	--	--	--

			hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan	
10	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	Điều 40. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị 16. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn: khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 03 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm	Điều 41. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị 16. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn: khoản đầu tư tài sản cố định không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 03 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư tài sản cố định vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm	Phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty, không để nhầm lẫn sang các hoạt động đầu tư khác được pháp luật cho phép.
11	Người phụ trách quản trị công ty		Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;	Bổ sung điều khoản theo Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

		<p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp</p>	
--	--	---	--



			luật và Điều lệ công ty.	
12	<p>Về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS</p>	<p>Điều 56. Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát</p> <p>2. Ban Kiểm soát có số thành viên ít nhất là 03 (ba) và nhiều nhất là 05 (năm) thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Các thành viên Ban Kiểm soát phải bầu ra một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát phải hoạt động theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán, thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>6. Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Từ 21 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật</p>	<p>Điều 59. Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát</p> <p>Sửa nội dung như sau:</p> <p>2. Ban Kiểm soát có số thành viên ít nhất là 03 (ba) và nhiều nhất là 05 (năm) thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Các thành viên Ban Kiểm soát phải bầu ra một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát phải hoạt động theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán, thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>6. Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó”. <p>b) Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau</p>	<p>Quy định chi tiết hơn, căn cứ theo quy định tại Điều 20 Nghị định 71/2017 và Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp</p>

		<p>Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật;</p> <p>d) Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>e) Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;</p>	<p>đây:</p> <p>a) Kiểm soát viên phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật;</p> <p>e) Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p>	
13	<p>Tránh xung đột về quyền lợi</p>	<p>Điều 64: Trách nhiệm xung đột và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Khoản 3.Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng</p>	<p>Điều 67: Trách nhiệm xung đột và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Khoản 3. Không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 1,2,3 và Điểm a Khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017:</p>



		giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác”.	quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	
14		<p>Điều 67. Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận</p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện được uỷ quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên và những người liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc và những người có liên quan;</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 70. Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận</p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện được uỷ quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên và những người liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc và những người có liên quan;</p> <p>c) Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>và doanh nghiệp mà những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</p>	Chi tiết hơn theo Khoản 2 điều 159 Luật Doanh nghiệp

14		2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch đối với các đối tượng được nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.	Chi tiết hơn theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP
15	Sửa các lỗi chính tả trong Điều lệ, đánh số lại các Điều khoản	Các lỗi chính tả trong Điều lệ	Sửa nội dung như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 8 Điều 20: bỏ chữ “Luật này”, thay thành: “Luật Doanh nghiệp” - Khoản 1 Điều 29: bỏ chữ “cổm tất”, thay thành: “Cổ đông” - Điểm c, d Khoản 2 Điều 29: sửa lỗi chính tả - Khoản 1 Điều 30: sửa lỗi chính tả (dòng phía trên điểm a) thành: “Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây” - Khoản 5 Điều 30 và Điểm g Khoản 6 Điều 30 bỏ chữ “Luật này”, thay thành: “Theo trình tự, thủ tục tập tục quy định tại Điều lệ này và quy định của Luật Doanh nghiệp.” - Bỏ Điểm b Khoản 16 Điều 40 do nội dung trùng lặp với Điểm a - Điểm c Khoản 16 Điều 40 bỏ đoạn “điểm d Khoản 2 Điều 13” do không tồn tại điểm d này. - Khoản 4 Điều 45, bổ sung thêm chữ “ngày” sau số 07 - Khoản 5 Điều 78, Khoản 1, Khoản 3 Điều 81, Điểm c Khoản 3 Điều 90: bỏ chữ “TTGDCK” 	

